

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 2025

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý 1 năm 2025	So sánh
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	17,873,308,000	4,352,674,529	24.35
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	77,000,000	15,007,589	19.49
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	9,361,000,000	1,605,059,898	17.15
3	Thu bổ sung	8,435,308,000	2,138,227,000	25.35
	- Thu bổ sung cân đối	8,435,308,000	2,108,827,000	25.00
	- Thu bổ sung có mục tiêu		29,400,000	
4	Thu chuyên nguồn			
5	Thu kết dư ngân sách		594,380,042	
II	TỔNG SỐ CHI	9,055,157,000	3,065,312,589	33.85
1	Chi đầu tư phát triển	1,800,000,000	441,173,598	24.51
2	Chi thường xuyên	7,119,829,000	2,624,138,991	36.86
3	Dự phòng	135,328,000	-	0.00

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 2025

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		THỰC HIỆN QUÝ 1 NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	17,873,308,000	12,552,808,000	4,352,674,529	3,385,723,442	24.35	26.97
I	Các khoản thu 100%	77,000,000	77,000,000	15,007,589	13,880,543	19.49	18.03
1	Phí, lệ phí	17,000,000	17,000,000	12,671,000	12,671,000	74.54	74.54
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu phạt, tích thu khác theo quy định						
4	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
5	Thu khác	60,000,000	60,000,000	2,336,589	1,209,543	3.89	2.02
6	Thu phạt vi phạm hành chính						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	9,361,000,000	4,040,500,000	1,605,059,898	639,235,857	17.15	15.82
1	Các khoản thu phân chia	151,000,000	123,000,000	42,308,407	36,326,732	28.02	29.53
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11,000,000	11,000,000				
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			12,400,000	12,400,000		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	140,000,000	112,000,000	29,908,407	23,926,732	21.36	21.36
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	9,210,000,000	3,917,500,000	1,562,751,491	602,909,125	16.97	15.39
	- Thuế GTGT và TNDN	785,000,000	202,000,000	480,271,157	117,005,875	61.18	57.92
	- Tiền thuê mặt đất	17,000,000	5,100,000			0.00	0.00
	- Thuế thu nhập cá nhân	38,000,000		3,595,334		9.46	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			8,100,000	4,050,000		
	- Thu tiền cấp quyền sử dụng đất	8,200,000,000	3,690,000,000	1,070,785,000	481,853,250	13.06	13.06
	- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	170,000,000	20,400,000				
	- Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do cơ quan TW cấp phép						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyên nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			594,380,042	594,380,042		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8,435,308,000	8,435,308,000	2,138,227,000	2,138,227,000	25.35	25.35
	- Thu bổ sung cân đối	8,435,308,000	8,435,308,000	2,108,827,000	2,108,827,000	25.00	25.00
	- Thu bổ sung có mục tiêu			29,400,000	29,400,000		

UBND XÃ CẨM MỸ

Biểu số 115/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 205

Đơn vị: Đồng

[illegible]